

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN
TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG
ĐỒNG NAI

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	14 - 41

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần tắm lợi vật liệu xây dựng Đồng Nai (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Khái quát về Công ty

Công ty được thành lập theo Quyết định số 73/2000/QĐ-TTg ngày 21 tháng 6 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Công ty tắm lợi vật liệu xây dựng Đồng Nai (thuộc Tổng Công ty Xi măng Việt Nam) sang công ty cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600475018 (số cũ là 4703000010), đăng ký lần đầu ngày 22 tháng 9 năm 2000 và đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 18 tháng 10 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
- Điện thoại : (061) 3836130
- Fax : (061) 3836023

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần tắm lợi vật liệu xây dựng Đồng Nai tại TP. Hồ Chí Minh	Số 2/14 - 2/16 Hàm Nghi, phường Bến Nghé, TP. Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần tắm lợi vật liệu xây dựng Đồng Nai - Chi nhánh Nhơn Trạch, Đồng Nai	Khu công nghiệp Ông Kèo, ấp 03, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng, thạch cao;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị khác trong xây dựng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao;
- Khai thác xử lý và cung cấp nước;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy nội địa;
- Bán buôn xe ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán mô tô, xe máy;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Miễn nhiệm
Ông Nguyễn Công Lý	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 5 năm 2015
Ông Lê Trung Chính	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 5 năm 2015
Ông Dương Xuân Bình	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 5 năm 2015 Miễn nhiệm ngày 08 tháng 9 năm 2016

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Nho	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 5 năm 2015 Miễn nhiệm ngày 28 tháng 11 năm 2016
Ông Phạm Đức Hùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 5 năm 2015
Bà Nguyễn Thị Mai Thảo	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 5 năm 2015

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Công Lý	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 5 năm 2015
Ông Nguyễn Bá Truật	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2002 Miễn nhiệm ngày 25 tháng 5 năm 2016
Ông Dương Xuân Bình	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 11 năm 2005 Miễn nhiệm ngày 25 tháng 5 năm 2016
Ông Trần Quốc Khánh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 5 năm 2008 Miễn nhiệm ngày 03 tháng 8 năm 2016
Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 3 năm 2010
Bà Bùi Thị Hoan	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 07 tháng 02 năm 2017

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Công Lý (bổ nhiệm ngày 15 tháng 5 năm 2015).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẤM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



Ngày 30 tháng 3 năm 2017



Số: 0470/2017/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần tắm lợi vật liệu xây dựng Đồng Nai (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 25 tháng 02 năm 2017, từ trang 07 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

- Tháng 4 năm 2011, Nhà máy nghiền xi măng ở Nhơn Trạch đã hoàn thành cơ bản, Công ty tiến hành chạy thử để chuẩn bị đưa vào hoạt động sản xuất chính thức và thời gian chạy thử được dự kiến đến tháng 9 năm 2011. Tuy nhiên do hoạt động của máy móc và thiết bị của Nhà máy chưa ổn định nên Công ty đã kéo dài hoạt động chạy thử đến cuối năm 2011. Các chi phí liên quan đến giai đoạn chạy thử (bao gồm cả chi phí lãi vay) từ tháng 4 đến tháng 12 năm 2011 số tiền khoảng 76.511.299.453 VND đã được vốn hóa vào giá trị tài sản. Đến nay, chúng tôi cũng chưa được cung cấp đầy đủ bằng chứng để xác định tính hợp lý của hoạt động chạy thử này. Việc vốn hóa chi phí giai đoạn chạy thử này làm chỉ tiêu “Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế” (Mã số 50) trên Báo cáo kết quả kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 giảm 1.912.782.469 VND, tổng ảnh hưởng lũy kế của chi phí này tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2016 là 21.040.607.332 VND, chỉ tiêu “Tài sản cố định” (Mã số 220) trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 sẽ tăng 55.470.692.121 VND và chỉ tiêu “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” (Mã số 421) trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 tăng 55.470.692.121 VND.
- Năm 2012, Công ty thực hiện xóa sổ công nợ phải trả đối với nhà thầu China Machine - Building International Corp bằng cách cản trừ với công nợ phải thu của Công ty Cổ phần vận tải An Tôn là 8.564.107.603 VND và ghi nhận vào thu nhập là 33.993.181.797 VND. Cho đến thời điểm hiện tại, chúng tôi vẫn chưa được cung cấp bằng chứng để đảm bảo cho tính hợp lý của việc ghi nhận vào thu nhập khoản công nợ phải trả này.



- Công ty chưa trích lập dự phòng cho các khoản tạm ứng quá hạn trên 6 tháng đến dưới 2 năm, dẫn đến khoản mục “Phải thu ngắn hạn khác” (Mã số 136) trên Bảng cân đối kế toán đang được phản ánh theo giá gốc là 7.670.657.500 VND thay vì phải phản ánh theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Việc ghi nhận như vậy là không tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam. Các tài liệu tại Công ty cho thấy, nếu phản ánh theo giá trị thuần có thể thực hiện được thì khoản mục “Phải thu ngắn hạn khác” trên Bảng cân đối kế toán sẽ giảm đi là 2.313.497.743 VND. Đồng thời, trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, khoản mục “Chi phí quản lý doanh nghiệp” sẽ tăng thêm là 2.313.497.743 VND, khoản mục “Lợi nhuận sau thuế” sẽ giảm đi tương ứng là 2.313.497.743 VND.
- Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty đang có khoản lỗ thuần là 23.820.343.769 VND và tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 lỗ lũy kế đã vượt vốn chủ sở hữu số tiền là 12.417.266.208 VND, các khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tổng tài sản ngắn hạn của Công ty là 6.288.456.355 VND. Những điều kiện này cho thấy yếu tố rủi ro trọng yếu ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Hiện nay chúng tôi không thể thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính đính kèm.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Bùi Văn Khá - Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0085-2013-008-1

Võ Thành Công - Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1033-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2017

3300
CÓ
CHN
M TO
A
SAY-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		164.981.562.162	217.711.107.944
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	2.257.890.496	491.503.824
1. Tiền	111		2.257.890.496	491.503.824
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		102.495.226.213	145.746.576.594
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	83.049.335.385	84.179.904.853
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	11.931.693.328	11.702.486.526
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	7.670.657.500	49.864.185.215
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(156.460.000)	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		49.992.045.738	68.096.540.001
1. Hàng tồn kho	141	V.6	49.992.045.738	68.096.540.001
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		10.236.399.715	3.376.487.525
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	10.236.399.715	2.709.875.852
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	666.611.673
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		736.478.904.155	820.241.202.455
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		21.000.000	21.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		21.000.000	21.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		668.149.630.428	727.708.638.149
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	660.376.402.975	719.612.105.197
- Nguyên giá	222		1.056.426.337.771	1.057.708.435.801
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(396.049.934.796)	(338.096.330.604)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	7.773.227.453	8.096.532.952
- Nguyên giá	228		9.626.146.689	9.626.146.689
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.852.919.236)	(1.529.613.737)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		6.347.507.038	2.029.706.802
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	6.347.507.038	2.029.706.802
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		56.846.073.047	84.344.205.065
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.11	90.000.000.000	90.000.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.11	(33.153.926.953)	(5.655.794.935)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		5.114.693.643	6.137.652.439
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	5.114.693.643	6.137.652.439
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.12	-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		901.460.466.318	1.037.952.310.399

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		913.877.732.526	1.026.549.232.838
I. Nợ ngắn hạn	310		171.270.018.517	280.015.497.706
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	81.178.489.358	95.616.591.798
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	166.147.083	592.637.214
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	3.689.161.502	3.874.426.516
4. Phải trả người lao động	314	V.16	2.428.622.257	4.418.098.444
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17a	38.796.953.856	75.237.947.963
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a,c	44.850.000.000	99.881.771.310
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	160.644.461	394.024.461
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		742.607.714.009	746.533.735.132
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.17b	213.037.887.202	186.963.908.325
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18bc	529.569.826.807	559.569.826.807
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(12.417.266.208)	11.403.077.561
I. Vốn chủ sở hữu	410		(12.417.266.208)	11.403.077.561
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.20	272.236.470.000	272.236.470.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		272.236.470.000	272.236.470.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.20	76.737.250.400	76.737.250.400
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.20	22.694.204.001	22.694.204.001
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.20	(384.085.190.609)	(360.264.846.840)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(360.264.846.840)	(360.264.846.840)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(23.820.343.769)	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		901.460.466.318	1.037.952.310.399

Đồng Nai, ngày 25 tháng 02 năm 2017


Đỗ Thị Thanh Huyền
Người lập


Nguyễn Thị Ánh
Kế toán trưởng




Nguyễn Công Lý
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016


Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	282.536.570.113	306.400.810.948
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		2.621.643.090	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		279.914.927.023	306.400.810.948
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	301.172.793.069	298.568.276.954
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(21.257.866.046)	7.832.533.994
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	212.951.287	14.842.563
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	89.032.128.975	69.903.522.270
Trong đó: chi phí lãi vay	23		61.401.954.626	71.868.775.362
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	3.484.501.640	7.143.648.935
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	12.620.209.043	17.205.414.872
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(126.181.754.417)	(86.405.209.520)
11. Thu nhập khác	31	VI.7	103.894.124.326	49.372.382
12. Chi phí khác	32	VI.8	1.532.713.678	575.857.377
13. Lợi nhuận khác	40		102.361.410.648	(526.484.995)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(23.820.343.769)	(86.931.694.515)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.12	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(23.820.343.769)	(86.931.694.515)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	(875)	(3.193)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	(875)	(3.193)

Đồng Nai, ngày 25 tháng 02 năm 2017



Đỗ Thị Thanh Huyền
Người lập



Nguyễn Thị Ánh
Kế toán trưởng



Nguyễn Công Lý
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(23.820.343.769)	(86.931.694.515)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8;9	60.370.007.721	60.297.824.969
- Các khoản dự phòng	03	V.5;11	27.654.592.018	(2.515.837.518)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	132.042.331	367.489.405
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.7	(407.513.092)	-
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	61.401.954.626	71.868.775.362
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		125.330.739.835	43.086.557.703
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		43.630.729.818	(56.699.779.724)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		18.104.494.263	(28.122.802.041)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(42.926.428.462)	68.448.720.066
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(6.503.565.067)	(512.675.031)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	VI.4;V.17	(44.927.975.749)	(7.190.086.254)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.19	(233.380.000)	(948.900.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		92.474.614.638	18.061.034.719
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.8,10;VII	(6.082.699.653)	(5.622.614.527)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		407.513.092	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(5.675.186.561)	(5.622.614.527)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỘP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.18a	14.386.192.882	147.328.796.830
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.18a	(99.417.964.192)	(160.736.007.538)
5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<u><i>(85.031.771.310)</i></u>	<u><i>(13.407.210.708)</i></u>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		1.767.656.767	(968.790.516)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	491.503.824	1.460.160.314
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(1.270.095)	134.026
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	<u>2.257.890.496</u>	<u>491.503.824</u>

Đồng Nai, ngày 25 tháng 02 năm 2017



Đỗ Thị Thanh Huyền
Người lập



Nguyễn Thị Ánh
Kế toán trưởng



Nguyễn Công Lý
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần tấm lợp vật liệu xây dựng Đồng Nai (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty Cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp, thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: sản xuất, kinh doanh các sản phẩm xi măng, tấm lợp và xây lắp; Dịch vụ thương mại; Khai thác xử lý và cung cấp nước.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Năm nay, hoạt động gia công xi măng cho Công ty Cổ phần xi măng Công Thanh tăng nhẹ. Tuy nhiên các chi phí cố định đặt biệt là chi phí khấu hao của Nhà máy xi măng Nhơn Trạch vẫn quá lớn và trong năm Công ty phát sinh thêm nhiều khoản chi phí sửa chữa nhà máy nên hoạt động gia công này của Công ty bị lỗ nhiều hơn so với năm trước.

Trong năm Công ty hạn chế hoạt động sản xuất Tấm lợp và đẩy mạnh tiêu thụ để giải phóng hàng tồn kho. Do tình hình tiêu thụ sản phẩm Tấm lợp khó khăn, doanh thu của mặt hàng này giảm mạnh làm cho lãi từ hoạt động này không đủ bù đắp lỗ từ hoạt động gia công xi măng dẫn đến lãi gộp hoạt động kinh doanh năm nay giảm mạnh so với năm trước.

Trong năm Công ty đã nhận được khoản tiền bồi thường từ vụ kiện “Đòi bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm” với Công ty All Oceans Transportation Inc. Công ty đã sử dụng các khoản bồi thường này bù đắp các khoản chi phí thiệt hại kinh doanh đang ghi nhận từ thời điểm phát sinh thiệt hại và kết chuyển phần chênh lệch vào thu nhập khác trong năm.

6. Cấu trúc Công ty

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần tấm lợp vật liệu xây dựng Đồng Nai tại TP. Hồ Chí Minh	Số 2/14 - 2/16 Hàm Nghi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần tấm lợp vật liệu xây dựng Đồng Nai - Chi nhánh Nhơn Trạch, Đồng Nai	Khu công nghiệp Ông Kèo, ấp 03, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 243 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 412 nhân viên).



CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí sửa chữa cải tạo và chi phí xây dựng đường đê. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí sửa chữa, cải tạo

Chi phí sửa chữa, cải tạo phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí xây dựng đường đê

Chi phí xây dựng tuyến đường đê tại Khu công nghiệp Ông Kèo phát sinh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm chi phí bảo trì bảo dưỡng, bảo hiểm tài sản ... được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Tỷ lệ</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	02% - 20%
Máy móc và thiết bị	6,6% - 33,3%
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05% - 16,6%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	10% - 33,33%
Tài sản cố định khác	02% - 20%

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với tỷ lệ từ 02%/năm đến 2,5%/năm.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn Cổ phần

Thặng dư vốn Cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn Cổ phần.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu gia công

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hóa là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỘP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

21. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ và các khoản phải trả.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	188.234.232	136.498.106
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.069.656.264	355.005.718
Cộng	<u>2.257.890.496</u>	<u>491.503.824</u>

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu bên liên quan</i>	<u>80.751.505.397</u>	<u>72.210.915.465</u>
Công ty Cổ phần xi măng Công Thanh	80.541.505.392	72.210.915.465
Công ty Cổ phần xi măng Công Thanh Khánh Hòa	210.000.005	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<u>2.297.829.988</u>	<u>11.968.989.388</u>
Công ty Cổ phần xi măng trắng Việt Nam	-	7.860.400.000
DNTN Bảy Mai	1.261.999.000	-
Các khách hàng khác	1.035.830.988	4.108.589.388
Cộng	<u>83.049.335.385</u>	<u>84.179.904.853</u>

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Cơ khí Kinh Bắc	9.600.000.000	9.600.000.000
Công ty Cổ phần sản xuất thương mại Đào Gia	-	646.206.461
Các nhà cung cấp khác	2.331.693.328	1.456.280.065
Cộng	<u>11.931.693.328</u>	<u>11.702.486.526</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Các khoản thu khác có liên quan đến sự cố hư cần cầu của cảng Nhà máy xi măng tại Nhơn Trạch – Đồng Nai đang chờ bồi thường (*)	-	-	41.464.623.975	-
Phải thu tạm ứng án phí liên quan đến sự cố cần cầu	-	-	2.959.735.222	-
Tạm ứng	7.291.856.870	-	5.035.155.179	-
Ký cược, ký quỹ	31.300.000	-	31.300.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	347.500.630	-	373.370.839	-
Cộng	7.670.657.500	-	49.864.185.215	-

(*) Trong năm, Công ty đã nhận được khoản tiền bồi thường thiệt hại hư cần cầu từ All Ocean Transportation Inc theo kết quả của Tòa phúc thẩm tại TP. Hồ Chí Minh với số tiền là 76.022.681.079 VND. Khoản tiền này Công ty đã trừ phần thiệt hại kinh doanh đang ghi nhận trên các khoản phải thu ngắn hạn khác từ thời điểm phát sinh đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2016, phần chênh lệch còn lại Công ty ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

5. Nợ quá hạn

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Bên liên quan					59.184.547.981	59.184.547.981
Công ty Cổ phần xi măng Công Thanh	Dưới 06 tháng	75.002.977.392	75.002.977.392	Dưới 06 tháng	59.184.547.981	59.184.547.981
Công ty Cổ phần xi măng Công Thanh Khánh Hòa	Dưới 06 tháng	135.000.003	135.000.003	Dưới 06 tháng	-	-
Công ty Cổ phần xi măng Công Thanh Khánh Hòa	Từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm	75.000.002	75.000.002	Từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm	-	-
Các tổ chức khác					8.601.790.049	8.601.790.049
Công ty Cổ phần xi măng trắng Việt Nam - phải thu tiền bán hàng	Dưới 06 tháng	-	-	Dưới 06 tháng	7.860.400.000	7.860.400.000
Công ty TNHH Cơ khí Kinh Bắc - Ứng trước cho người bán	Từ 01 năm đến dưới 02 năm	9.600.000.000	9.600.000.000	-	-	-
Ứng trước cho người bán khác	Trên 03 năm	156.460.000	-	Trên 03 năm	712.460.000	712.460.000
Tạm ứng	Dưới 1 năm	1.407.494.379	1.407.494.379	Dưới 1 năm	4.150.010.359	4.150.010.359
Tạm ứng	Từ 01 năm đến dưới 02 năm	3.782.498.859	3.782.498.859	-	-	-
Các khoản phải thu khác	Trên 03 năm	28.930.049	28.930.049	Trên 03 năm	28.930.049	28.930.049
Cộng		90.188.360.684	90.031.900.684		67.786.338.030	67.786.338.030

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỘP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	19.152.038.523	-	17.963.132.880	-
Công cụ, dụng cụ	836.545.234	-	935.422.924	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	25.593.715	-	25.593.715	-
Thành phẩm	29.977.868.266	-	49.172.390.482	-
Cộng	49.992.045.738	-	68.096.540.001	-

7. Chi phí trả trước

7a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa, lắp đặt máy nghiền	9.272.651.186	2.019.262.724
Chi phí sửa chữa nhà máy xi măng Công Thanh Nhơn Trạch	229.000.000	-
Chi phí sửa chữa, lắp đặt máy đóng bao	385.437.998	-
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	349.310.531	690.613.128
Cộng	10.236.399.715	2.709.875.852

7b. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn là chi phí xây dựng tuyến đường đê tại Khu công nghiệp Ông Kèo còn phải phân bổ.

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	483.121.696.212	522.650.588.850	47.583.763.279	4.352.387.460	1.057.708.435.801
Mua trong năm	-	811.000.000	-	-	811.000.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.093.098.030)	-	(2.093.098.030)
Số cuối năm	483.121.696.212	523.461.588.850	45.490.665.249	4.352.387.460	1.056.426.337.771
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	17.796.548.804	62.441.840.681	10.433.753.243	2.006.181.836	92.678.324.564
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	114.090.287.538	189.094.739.543	32.088.072.941	2.823.230.582	338.096.330.604
Khấu hao trong năm	23.080.237.714	31.774.607.074	4.527.137.202	664.720.232	60.046.702.222
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.093.098.030)	-	(2.093.098.030)
Số cuối năm	137.170.525.252	220.869.346.617	34.522.112.113	3.487.950.814	396.049.934.796
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	369.031.408.674	333.555.849.307	15.495.690.338	1.529.156.878	719.612.105.197
Số cuối năm	345.951.170.960	302.592.242.233	10.968.553.136	864.436.646	660.376.402.975
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 572.025.187.912 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**9. Tài sản cố định vô hình**

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Chương trình phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	9.118.644.029	507.502.660	9.626.146.689
Số cuối năm	9.118.644.029	507.502.660	9.626.146.689
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	215.233.560	215.233.560
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	1.141.173.510	388.440.227	1.529.613.737
Khấu hao trong năm	233.466.108	89.839.391	323.305.499
Số cuối năm	1.374.639.618	478.279.618	1.852.919.236
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	7.977.470.519	119.062.433	8.096.532.952
Số cuối năm	7.744.004.411	29.223.042	7.773.227.453
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Mua sắm tài sản cố định	409.090.090	-	409.090.090
Xây dựng cơ bản dở dang	1.620.616.712	2.499.532.963	4.120.149.675
<i>Hạn mục đổ bê tông đường</i>	<i>1.407.014.076</i>	<i>799.236.364</i>	<i>2.206.250.440</i>
<i>Hạn mục Sửa chữa nội bộ</i>	<i>213.602.636</i>	<i>1.700.296.599</i>	<i>1.913.899.235</i>
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	1.818.267.273	1.818.267.273
Cộng	2.029.706.802	4.317.800.236	6.347.507.038

11. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ có đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

	<u>Số cuối năm</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>
<i>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</i>	<i>90.000.000.000</i>	<i>(33.153.926.953)</i>	<i>-</i>	<i>90.000.000.000</i>	<i>(5.655.794.935)</i>	<i>-</i>
Công ty Cổ phần xi măng Công Thành	90.000.000.000	(33.153.926.953)	-	90.000.000.000	(5.655.794.935)	-
Cộng	90.000.000.000	(33.153.926.953)	-	90.000.000.000	(5.655.794.935)	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	5.655.794.935	8.171.632.453
Trích lập dự phòng bổ sung (*)	27.498.132.018	-
Hoàn nhập dự phòng	-	(2.515.837.518)
Số cuối năm	33.153.926.953	5.655.794.935

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(*) Khoản dự phòng này được trích lập dựa trên Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ năm 2016 của Công ty Cổ phần xi măng Công Thanh được lập ngày 16 tháng 2 năm 2017 bởi Công ty kiểm toán PricewaterhouseCoopers Việt Nam. Hiện tại chưa có thông tin về Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 Công ty Cổ phần xi măng Công Thanh.

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho các khoản lỗ tính thuế với số tiền là 363.374.350.229 VND.

Chi tiết lỗ tính thuế chưa ghi nhận như sau:

2012	43.442.918.556
2013	124.072.947.915
2014	110.158.785.211
2015	85.699.698.547
Cộng	363.374.350.229

Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 5 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ và chênh lệch tạm thời có thể được khấu trừ không bị giới hạn về thời gian. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho những khoản này vì ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những lợi ích đó.

13. Phải trả người bán

13a. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả bên liên quan	7.774.212.000	1.309.540.000
Công ty Cổ phần Bê tông Công Thanh	1.829.468.000	1.309.540.000
Công ty TNHH TM Xi măng Công Thanh - Khu vực miền Nam	5.944.744.000	-
Phải trả các nhà cung cấp khác	73.404.277.358	94.307.051.798
Astrade Solution LP	6.848.256.407	15.670.187.348
Material resources & trading Corporation	-	2.518.830.800
Công ty Cổ phần thương mại đầu tư HB	36.095.085.350	38.734.745.600
Công ty TNHH khoáng sản Hiệp Lực	2.870.830.187	4.862.058.968
Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển Logistics – Chi nhánh khu vực phía Nam	1.630.543.664	4.918.361.060
Doanh nghiệp tư nhân Đại Quốc Cường	557.966.520	2.525.643.151
Xí nghiệp dịch vụ khu công nghiệp Giang Điền – Tổng công ty phát triển khu công nghiệp	1.149.564.538	2.224.595.108
Công ty CP XNK Đầu Tư Tổng Hợp Và Hợp tác quốc tế	3.587.019.514	1.427.718.840
Công ty TNHH XD&TM Sơn Hưng Phú	5.050.500.004	2.673.650.000
Các nhà cung cấp khác	15.614.511.174	18.751.260.923
Cộng	81.178.489.358	95.616.591.798

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**13b. Nợ quá hạn chưa thanh toán**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Astrade Solution LP	6.848.256.407	15.670.187.348
Công ty Cổ phần thương mại đầu tư HB	28.229.242.850	38.734.745.600
Các nhà cung cấp khác	85.859.079	35.921.781.530
Cộng	<u>35.163.358.336</u>	<u>90.326.714.478</u>

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần vận tải An Tôn	-	228.088.251
Doanh nghiệp tư nhân Nam Vũ	-	200.000.000
Các khách hàng khác	166.147.083	164.548.963
Cộng	<u>166.147.083</u>	<u>592.637.214</u>

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã thực nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	28.079.549.822	(27.565.796.832)	513.752.990
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	32.068.076	97.812.131	(101.631.481)	28.248.726
Thuế tài nguyên	5.339.550	97.237.341	(92.435.995)	10.140.896
Thuế nhà thầu	3.837.018.890	-	(700.000.000)	3.137.018.890
Tiền thuê đất	-	80.563.680	(80.563.680)	-
Các loại thuế khác	-	5.000.000	(5.000.000)	-
Cộng	<u>3.874.426.516</u>	<u>28.360.162.974</u>	<u>(28.545.427.988)</u>	<u>3.689.161.502</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Nước	05%
- Tầm lợp, xi măng, gạch, vận chuyển, phế liệu	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (năm trước thuế suất là 22%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(23.820.343.769)	(86.931.694.515)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	24.862.109.470	1.231.995.968
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	1.041.765.701	(85.699.698.547)
Lỗi các năm trước được chuyển	(1.041.765.701)	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	<u>-</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác sử dụng nước với mức thuế suất như sau:

- Sử dụng nước mặt dùng cho mục đích khác: 03%
- Sử dụng nước dưới đất dùng cho mục đích khác: 05%

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

16. Phải trả người lao động

Quy lương của Công ty được xác định như sau:

- Quỹ tiền lương tại nhà máy Biên Hòa I được trích dựa vào số lượng thành phẩm sản xuất và đã được Hội đồng quản trị thông qua, cụ thể như sau:
 - Xi măng: 24.000 VND/tấn
 - Xi măng gia công: 20.000/VND/tấn
 - Tầm lợp: 2.500 VND/m²
 - Gạch: 350 VND/viên
- Lương của nhân viên tại Nhà máy Nhơn Trạch được tính theo lương khoán.

Số dư cuối năm là khoản tiền lương tháng 12 năm 2016 và quỹ lương còn lại phải trả cho người lao động.

17. Phải trả khác

17a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	132.295.693	241.303.072
Bảo hiểm xã hội	179.532.612	425.522.972
Bảo hiểm y tế	14.187.933	270.635.536
Bảo hiểm thất nghiệp	5.957.750	94.191.271
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	27.263.285.675	27.263.285.675
Lãi vay phải trả	-	9.600.000.000
Chi phí sửa chữa cầu cảng ^(*)	10.227.272.726	33.287.355.900
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	974.421.467	4.055.653.537
Cộng	<u>38.796.953.856</u>	<u>75.237.947.963</u>

- (*) Tiền nhận bồi thường thiệt hại hư cần cầu với số tiền là 39.146.055.900 VND và tiền nhận bồi thường thiệt hại về cầu cảng với số tiền 53.509.217.099 VND từ All Ocean Transportation Inc theo kết quả của Tòa phúc thẩm tại TP. Hồ Chí Minh. Khoản tiền này được Công ty dùng để thanh toán các chi phí sửa chữa phục hồi lại cần cầu và cầu cảng. Phần chênh lệch còn lại sẽ ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi công tác sửa chữa hoàn tất. Trong năm 2014, 2015 và năm 2016, Công ty đã thanh toán chi phí sửa chữa cần cầu với tổng số tiền 6.172.200.000 VND.

17b. Phải trả dài hạn khác

Khoản lãi vay phải trả dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**17c. Nợ quá hạn chưa thanh toán**

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

18. Vay ngắn hạn/dài hạn**18a. Vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng		
Vay Ngân hàng thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱ⁾	-	69.881.771.310
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.18b)	44.850.000.000	30.000.000.000
Cộng	44.850.000.000	99.881.771.310

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để thanh toán các khoản chi phí sản xuất kinh doanh với lãi suất thả nổi được điều chỉnh 01 tháng một lần (lãi suất trong năm là 9%), thời hạn vay của từng khoản nợ được ghi nhận trên Giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định hữu hình (xem thuyết minh số V.9).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	69.881.771.310	14.386.192.882	-	(84.267.964.192)	-
Vay dài hạn đến hạn trả	30.000.000.000	-	30.000.000.000	(15.150.000.000)	44.850.000.000
Cộng	99.881.771.310	14.386.192.882	30.000.000.000	(99.417.964.192)	44.850.000.000

18b. Vay dài hạn

Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để đầu tư xây dựng, mua sắm máy móc thiết bị, chi phí mặt bằng, đất đai và các chi phí khác liên quan đến việc đầu tư xây dựng Nhà máy nghiền xi măng Công Thanh ở Nhơn Trạch công suất 1.800.000 tấn/năm với lãi suất vay theo phương pháp thả nổi được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ tại thời điểm giải ngân (lãi suất trong năm khoảng 10,8%). Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định hữu hình (xem thuyết minh số V.9).

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	44.850.000.000	30.000.000.000
Trên 1 năm đến 5 năm	529.569.826.807	330.000.000.000
Trên 5 năm	-	199.569.826.807
Cộng	574.419.826.807	559.569.826.807

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	559.569.826.807	589.569.826.807
Kết chuyển nợ dài hạn đến hạn trả sang dài hạn	(30.000.000.000)	(30.000.000.000)
Số cuối năm	529.569.826.807	559.569.826.807

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**18c. Vay quá hạn chưa thanh toán**

Khoản gốc vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh với số tiền 14.850.000.000 VND đã quá hạn chưa được thanh toán do Công ty đang gặp khó khăn về tài chính nên chưa có luồng tiền để thanh toán.

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Công ty chỉ có quỹ phúc lợi. Chi tiết phát sinh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	394.024.461	1.342.924.461
Chi quỹ	(233.380.000)	(948.900.000)
Số cuối năm	160.644.461	394.024.461

20. Vốn chủ sở hữu**20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn Cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	272.236.470.000	76.737.250.400	22.694.204.001	(273.333.152.325)	98.334.772.076
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	(86.931.694.515)	(86.931.694.515)
Số dư cuối năm trước	272.236.470.000	76.737.250.400	22.694.204.001	(360.264.846.840)	11.403.077.561
Số dư đầu năm nay	272.236.470.000	76.737.250.400	22.694.204.001	(360.264.846.840)	11.403.077.561
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	(23.820.343.769)	(23.820.343.769)
Số dư cuối năm	272.236.470.000	76.737.250.400	22.694.204.001	(384.085.190.609)	(12.417.266.208)

20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng Công ty Công nghiệp xi măng Việt Nam	34.023.660.000	34.023.660.000
Ông Nguyễn Công Lý	57.200.000.000	57.200.000.000
Các cổ đông khác	181.012.810.000	181.012.810.000
Cộng	272.236.470.000	272.236.470.000

20c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	27.223.647	27.223.647
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	27.223.647	27.223.647
- Cổ phiếu phổ thông	27.223.647	27.223.647
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	27.223.647	27.223.647
- Cổ phiếu phổ thông	27.223.647	27.223.647
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

21a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	1.134.827.601	1.143.177.383
Trên 1 năm đến 5 năm	4.539.310.406	4.572.709.532
Trên 5 năm	34.372.667.128	34.614.784.762
Cộng	40.046.805.136	40.330.671.677

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động ở trên thể hiện tiền thuê đất và sử dụng hạ tầng tại Khu công nghiệp Biên Hòa 1. Công ty thuê dưới hình thức thuê hoạt động với giá thuê 800 USD/m²/năm. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2006 đến từ ngày 12 tháng 4 năm 2051.

21b. Tài sản nhận giữ hộ

Vật tư nhận giữ hộ của Công ty Cổ phần xi măng Công Thanh như sau:

Chủng loại	Đơn vị tính	Số cuối năm	Số đầu năm
Clinker	Tấn	3.799,46	3.737,82
Vỏ bao xi măng	Cái	624.802	940.269

21c. Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	44,02	44,02
Euro (EUR)	374,22	373,86

21d. Nợ khó đòi đã xử lý

Các khoản nợ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 595.460.608 VND (năm trước là 39.460.608 VND) đã được xóa sổ do các khoản nợ này không có khả năng thu hồi.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	5.833.042.912	9.637.281.440
Doanh thu bán tấm lợp	106.626.793.940	147.351.759.640
Doanh thu gia công xi măng	143.475.009.031	128.278.964.002
Doanh thu bán thành phẩm khác	24.437.176.520	17.562.142.531
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.164.547.710	3.570.663.335
Cộng	282.536.570.113	306.400.810.948

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần xi măng Công Thanh		
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	143.656.827.271	130.272.277.509
Công ty Cổ phần xi măng Công Thanh Khánh Hòa		
Cung cấp dịch vụ	190.909.096	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	7.808.120.772	8.466.000.000
Giá vốn của tấm lợp đã bán	82.411.616.709	113.933.335.357
Giá vốn gia công xi măng	186.262.841.112	158.201.368.642
Giá vốn bán thành phẩm khác đã bán	24.680.129.858	17.562.141.585
Giá vốn bán vật tư	10.084.618	405.431.370
Cộng	<u>301.172.793.069</u>	<u>298.568.276.954</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	45.862.459	10.289.849
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	167.088.828	4.552.714
Cộng	<u>212.951.287</u>	<u>14.842.563</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	61.401.954.626	71.868.775.362
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	183.095.021
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	132.042.331	367.489.405
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng tổn thất đầu tư dài hạn	27.498.132.018	(2.515.837.518)
Cộng	<u>89.032.128.975</u>	<u>69.903.522.270</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	63.859.043	2.207.813.224
Chi phí vật liệu, bao bì	265.654.122	781.824.333
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	79.065	224.994
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.904.755.632	1.875.091.818
Chi phí dịch vụ mua ngoài	220.035.922	260.579.555
Các chi phí khác	1.030.117.856	2.018.115.011
<i>Cấp bù tám song</i>	<i>217.558.220</i>	<i>1.165.919.700</i>
<i>Các chi phí khác</i>	<i>812.559.636</i>	<i>852.195.311</i>
Cộng	<u>3.484.501.640</u>	<u>7.143.648.935</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	2.854.978.188	4.828.718.418
Chi phí vật liệu, bao bì	1.077.931.638	2.277.374.511
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.561.788.226	1.160.256.375
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng ứng trước cho người bán	156.460.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.636.602.256	3.476.441.170
Các chi phí khác	4.332.448.735	5.462.624.398
- <i>Chi trợ cấp thôi việc</i>	<i>2.453.723.200</i>	<i>1.482.051.000</i>
- <i>Chi phí tiếp khách</i>	<i>692.292.754</i>	<i>2.254.918.502</i>
- <i>Chi phí khác</i>	<i>1.186.432.781</i>	<i>1.725.654.896</i>
Cộng	<u>12.620.209.043</u>	<u>17.205.414.872</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	407.513.092	-
Các khoản nợ phải trả không xác định được chủ	60	22.810
Tiền cho thuê mặt bằng, tiền điện	36.452.396	48.129.516
Tiền bồi thường	24.889.144.193	-
Các khoản thu nhập khác	78.561.014.585	1.220.056
Cộng	<u>103.894.124.326</u>	<u>49.372.382</u>

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Phạt do vi phạm hành chính	-	109.000.000
Chi phí xử lý nợ	712.482.803	-
Chi phí hoạt động của xà lan	27.272.420	-
Bồi thường xi măng giao thiếu	406.216.000	-
Chi phí khác	1.099.202.455	466.857.377
Cộng	<u>1.532.713.678</u>	<u>575.857.377</u>

9. Lãi trên cổ phiếu

9a. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(23.820.343.769)	(86.931.694.515)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	(23.820.343.769)	(86.931.694.515)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	27.223.647	27.223.647
Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	<u>(875)</u>	<u>(3.193)</u>

9b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	106.589.302.904	170.257.844.703
Chi phí nhân công	22.114.985.737	36.742.815.609
Chi phí khấu hao tài sản cố định	60.370.007.721	60.297.824.969
Chi phí dịch vụ mua ngoài	69.209.258.074	65.472.067.727
Chi phí khác	6.428.851.048	7.967.065.472
Cộng	<u>264.712.405.484</u>	<u>340.657.439.370</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Trong năm Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Năm nay	Năm trước
Phải trả về mua sắm tài sản cố định	2.669.305.582	3.623.204.999
Trả trước về mua sắm tài sản cố định	552.413.000	552.413.000

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	805.394.769	2.134.000.000
Thù lao và các khoản khác	51.000.000	11.580.000
Cộng	856.394.769	2.145.580.000

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty cổ phần xi măng Công Thanh	Công ty có cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần kinh doanh xuất nhập khẩu Công Thanh	Công ty có cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần bê tông Công Thanh	Công ty có cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần xi măng Công Thanh Khánh Hòa	Công ty có cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần xi măng Công Thanh		
Mua nguyên vật liệu và thành phẩm	65.118.432.571	68.136.990.581
Bán thạch cao	190.909.096	-
Thuê xe bồn	513.636.240	-
Công ty Cổ phần bê tông Công Thanh		
Mua nguyên vật liệu	2.290.843.637	-

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.2 và V.13.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực sản xuất tấm lợp: sản xuất và kinh doanh sản phẩm tấm lợp.
- Lĩnh vực sản xuất xi măng: sản xuất và gia công xi măng.
- Các lĩnh vực khác: dịch vụ vận chuyển.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực sản xuất tấm lợp	Lĩnh vực sản xuất xi măng	Các lĩnh vực khác	Cộng
Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	104.005.150.850	143.475.009.031	32.434.767.142	279.914.927.023
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	104.005.150.850	143.475.009.031	32.434.767.142	279.914.927.023
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	12.895.465.794	(48.597.860.287)	(1.660.182.236)	
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				(37.362.576.729)
Doanh thu hoạt động tài chính				212.951.287
Chi phí tài chính				(89.032.128.975)
Thu nhập khác				103.894.124.326
Chi phí khác				(1.532.713.678)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				(23.820.343.769)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Lĩnh vực sản xuất tấm lợp	Lĩnh vực sản xuất xi măng	Các lĩnh vực khác	Cộng
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		811.000.000	4.317.800.236	5.128.800.236
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	1.197.322.356	59.089.578.340	1.106.065.821	61.392.966.517
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-
Năm trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	146.559.686.640	128.278.964.002	30.770.087.306	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	792.073.000	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	147.351.759.640	128.278.964.002	30.770.087.306	-
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	147.351.759.640	(35.912.260.567)	1.910.466.069	(16.516.529.813)
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				(16.516.529.813)
Doanh thu hoạt động tài chính				14.842.563
Chi phí tài chính				(69.903.522.270)
Thu nhập khác				49.372.382
Chi phí khác				(575.857.377)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				(86.931.694.515)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	6.617.434.893	8.735.677.298	593.276.267	15.946.388.458
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	1.417.341.362	65.449.735.375	1.189.920.188	68.056.996.925
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Sản phẩm tấm lợp	Sản phẩm xi măng	Các lĩnh vực khác	Cộng
Số cuối				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	44.190.262.196	780.303.060.087	4.047.291.057	
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				72.919.852.979
Tổng tài sản				901.460.466.318
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	43.977.140.895	831.483.014.497	2.645.385.922	
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				35.772.191.212
Tổng nợ phải trả				913.877.732.526

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Sản phẩm tắm lợp	Sản phẩm xi măng	Các lĩnh vực khác	Cộng
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	66.377.979.349	868.968.387.683	11.613.321.138	946.959.688.170
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	90.992.622.229
Tổng tài sản				1.037.952.310.399
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	135.327.178.360	847.694.411.872	3.349.690.169	986.371.280.401
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	40.177.952.437
Tổng nợ phải trả				1.026.549.232.838

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

3a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Tổng Giám đốc đã ban hành quy chế bán hàng với các quy định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Tổng Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ quy chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Công ty có rủi ro tín dụng tập trung chủ yếu liên quan đến Công ty Cổ phần xi măng Công Thanh với số dư nợ tại ngày kết thúc năm tài chính chiếm 99,55% tổng số dư nợ phải thu (số đầu năm chiếm 85,78%). Các khách hàng khác có số dư dưới 01% tổng số dư nợ phải thu nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu của các khách hàng này là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	<u>Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá</u>	<u>Đã quá hạn nhưng không giảm giá</u>	<u>Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.257.890.496	-	-	2.257.890.496
Phải thu khách hàng	82.940.903.599	108.431.786	-	83.049.335.385
Các khoản phải thu khác	31.300.000	-	-	31.300.000
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	-	-	90.000.000.000	90.000.000.000
Cộng	85.230.094.095	108.431.786	90.000.000.000	175.338.525.881
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	491.503.824	-	-	491.503.824
Phải thu khách hàng	17.134.956.872	67.044.947.981	-	84.179.904.853
Các khoản phải thu khác	31.300.000	-	-	31.300.000
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	-	-	90.000.000.000	90.000.000.000
Cộng	17.657.760.696	67.044.947.981	90.000.000.000	174.702.708.677

Chi tiết thời gian quá hạn của các tài sản tài chính đã quá hạn nhưng không giảm giá như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Quá hạn dưới 6 tháng	108.431.786	67.044.947.981
Quá hạn trên 6 tháng đến dưới 1 năm	-	-
Cộng	108.431.786	67.044.947.981

3b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm				
Phải trả người bán	81.178.489.358	-	-	81.178.489.358
Vay và nợ	101.237.942.159	689.014.117.621	-	790.252.059.780
Các khoản phải trả khác	28.763.285.674	129.720.382.205	83.317.504.997	241.801.172.876
Cộng	211.179.717.191	818.734.499.826	83.317.504.997	1.113.231.722.014
Số đầu năm				
Phải trả người bán	95.312.441.798	-	-	95.312.441.798
Vay và nợ	161.027.576.567	522.798.202.251	255.433.347.034	939.259.125.852
Các khoản phải trả khác	40.698.890.543	186.963.908.325	-	227.662.798.868
Cộng	297.038.908.908	709.762.110.576	255.433.347.034	1.262.234.366.518

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

3c. *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro lãi suất và rủi ro giá nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán, giá nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay ngắn hạn và dài hạn có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty chỉ có các khoản vay với lãi suất thả nổi tại ngày kết thúc năm tài chính là 574.419.826.807 VND (số đầu năm là 659.451.598.117 VND).

Tại ngày kết thúc năm tài chính, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 02% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu kỳ này của Công ty sẽ giảm/tăng 11.488.396.536 VND (cùng kỳ năm trước giảm/tăng 13.395.704.610 VND).

Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá nguyên vật liệu.

3d. *Tài sản đảm bảo*

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 6 năm 2016 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.



CÔNG TY CỔ PHẦN TÂM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.257.890.496	-	491.503.824	-
Phải thu khách hàng	83.125.825.385	-	84.179.904.853	-
Các khoản phải thu khác	31.300.000	-	31.300.000	-
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	90.000.000.000	(33.153.926.953)	90.000.000.000	(5.655.794.935)
Cộng	175.415.015.881	(33.153.926.953)	174.702.708.677	(5.655.794.935)

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán	81.178.489.358	95.312.441.798
Vay và nợ	574.419.826.807	659.451.598.117
Các khoản phải trả khác	241.801.172.876	227.662.798.868
Cộng	897.399.489.041	982.426.838.783

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

5. Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 Công ty tiếp tục bị lỗ 23.743.853.769 và khoản lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 384.008.700.609 VND đã vượt vốn chủ sở hữu số tiền là 12.340.776.208 VND. Ngoài ra tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn 6.211.966.355 VND. Các yếu tố này có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.


6. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Đồng Nai, ngày 25 tháng 2 năm 2017




Đỗ Thị Thanh Huyền
Người lập biểu


Nguyễn Thị Ánh
Kế toán trưởng


Nguyễn Công Lý
Tổng Giám đốc